

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HC-PT
Ngày 24 - 02 - 2020
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
về đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Bà Trần Thị Huyền Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 666/2019/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2019/HCST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2020/QĐPT ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phùng Thị Thanh H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 858 đường 30/4, Phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 118 N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị kiện: - Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Cùng địa chỉ: 89 L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
(vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Hoàng Thị Thanh N – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phùng Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 03/11/2016, UBND thành phố V có Quyết định số 9767/QĐ-UBND (Quyết định số 9767) về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phùng Thị Thanh H, địa chỉ 858 đường 30/4, Phường 11, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường 30/4 đoạn thuộc phường 11, thành phố V. Theo đó có nội dung: Thu hồi diện tích đất 81,42m² nhưng không bồi thường đất và vật kiến trúc do thuộc thửa đất giao thông do nhà nước quản lý.

Không đồng ý, ngày 09/12/2016 bà H khiếu nại, nội dung: Yêu cầu bồi thường diện tích đất 81,42m² và vật kiến trúc.

Kết quả xác minh khiếu nại, có nội dung: Diện tích đất 81,42m² thu hồi của hộ bà H nằm ngoài giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà ở của bà H, nằm ngoài ranh bản đồ giải thửa năm 1993 và thuộc thửa đất giao thông do Nhà nước quản lý. Nên căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 luật Đất đai năm 2013 thì không được bồi thường đất và VKT trên đất.

Ngày 16/5/2017, Chánh thanh tra thành phố V có Báo cáo số 273/BC-Ttr.

Ngày 19/7/2017, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định số 3514/QĐ-UBND (Quyết định số 3514) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà H, theo đó: Căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013, bác khiếu nại của bà H và giữ nguyên Quyết định số 9767.

Do yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh còn khác nhau, nhưng chưa được người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, là chưa đúng trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 14, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2011.

Do vậy ngày 22/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố V có Văn bản số 2740/UQ-UBND ủy quyền về việc tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại của bà H.

Ngày 10/8/2018, Chánh thanh tra thành phố V tiếp tục có Báo cáo số 381/BC-Ttr.

Ngày 09/9/2018, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định số 6702/QĐ-UBND (Quyết định số 6702) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà H, theo đó: Bác khiếu nại của bà H và giữ nguyên Quyết định số 9767/QĐ-UBND, với lý do: Diện tích đất 81,42m² thu hồi của hộ bà H nằm ngoài giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà ở của bà H, nằm ngoài ranh bản đồ giải thửa năm 1993 và thuộc thửa đất giao thông do Nhà nước quản lý. Nên căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 thì không được bồi thường đất và VKT trên đất.

Không đồng ý, ngày 03/4/2019 bà H có Đơn khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 9767 và Quyết định số 6702 nêu trên. Buộc UBND thành phố V phải bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 81,42m² đất và vật kiến trúc theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Diện tích đất 81,42m² thu hồi thuộc một phần thửa đất do vợ chồng bà Phùng Thị Thanh H, ông Tô Đức C mua lại vào năm 1984 của bà Trần Thị Th.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H và ông C đã sử dụng toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng, đối với diện tích đất thu hồi thì có trồng sân xi măng, sân bê tông, có mái che di động để làm quán bán nước, trồng 01 cây bàng và 01 cây bạch đàn.

Tại thời điểm thu hồi, theo biên bản kiểm kê có 01 cây Bàng, 01 cây Bạch đàn có phi lớn hơn 30 cm, sân bê tông, sân đá chẻ.

Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 diện tích 81,42m² này vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M393517 và đến năm 2009 cấp giấy lại, Nhà nước đã trừ diện tích đất này để dự kiến mở đường 30/4.

Do vậy, Quyết định số 9767 về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà H, theo đó không bồi thường diện tích đất 81,42m² là không đúng. Vì đây là diện tích đất thực tế gia đình bà H sử dụng lớn hơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích 81,42m² đất bị thu hồi không được bồi thường là phần đất mặt tiền của nhà bà H, được sử dụng vào mục đích buôn bán kinh doanh từ năm 1985 đến nay không ai tranh chấp. Vì vậy bà H được đủ điều kiện bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi đất.

Theo Văn bản số 3609/UBND-TNMT ngày 05/7/2019 của người bị kiện cũng như trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần nhà, đất tại địa chỉ 858, đường 30/4, phường 11, thành phố V có nguồn gốc do bà Phan Thị N chuyển nhượng cho bà Trần Thị Th năm 1975, đến năm 1984 bà Th chuyển nhượng lại cho ông Tô Đức C- bà Phùng Thị Thanh H với diện tích 5.250m². Năm 1998, UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu cấp GCNQSD đất số M393517 ngày 24/8/1998 cho ông C, diện tích 5.390m², có 230m² đất ở và 5.160m² đất nông nghiệp. Sau đó ông C chuyển nhượng cho bà Phùng Thị Thanh H. Ngày 05/11/1999, UBND thành phố - Vũng Tàu cấp cho bà H (02) giấy chứng nhận: GCNQSD đất số AP505977 diện tích 2.353m² đất nông nghiệp thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 38, và GCNQSH nhà ở và QSD đất ở số 777472653900136 diện tích 510m² đất ở, thuộc thửa 33+65, tờ bản đồ 38, phường 11, thành phố V (cả hai giấy này được tách từ GCNQSD đất số M393517 cấp ngày 24/8/1998 cho ông C).

Khi thu hồi, theo biên bản kiểm kê có 01 cây Bàng, 01 cây Bạch đàn có phi lớn hơn 30 cm, sân bê tông, sân đá chẻ.

Ngày 09/02/2017, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V kết hợp với

UBND thành phố V, có bà H là người chỉ ranh đã xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất thực tế nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là diện tích 26,1m², nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H.

Qua lồng ghép vị trí diện tích đất bà H yêu cầu bồi thường, thể hiện: Diện tích đất thu hồi 81,42m² của hộ bà H nằm ngoài giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà ở của bà H đã cấp, nằm ngoài sơ đồ, diện tích thửa đất được xác nhận năm 1975 mà bà Phan Thị N chuyển nhượng cho bà Th được UBND phường PhướcThắng xác nhận ngày 01/12/1975, nằm ngoài bản đồ giải thửa, diện tích được UBND thành phố phê duyệt năm 1994 và thuộc thửa đất giao thông do Nhà nước quản lý.

Nên căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 luật Đất đai năm 2013 thì không được bồi thường đất và VKT trên đất.

Quyết định số 9767 và Quyết định số 6702 được ban hành có căn cứ. Do vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 73/2019/HCST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Thanh H về việc yêu cầu “hủy Quyết định số 9767/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phùng Thị Thanh H; Quyết định số 6702/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà H; Buộc UBND thành phố V thực hiện việc thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất thực tế sử dụng lớn hơn giấy tờ là 81,42 m² cho bà Phùng Thị Thanh H”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2019 người khởi kiện bà Phùng Thị Thanh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện: Tuyên hủy quyết định số 6702/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà Phùng Thị Thanh H. Tuyên buộc UBND thành phố V bồi thường, hỗ trợ diện tích 81,42 m² đất và vật kiến trúc theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng

minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phùng Thị Thanh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện như tòa cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc nhà, đất số 858, đường 30/4, phường 11, thành phố V do ông Tô Đức C (chồng bà H) và bà Phùng Thị Thanh H nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Th với diện tích 5.250m². Ngày 24/8/1998, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp GCNQSD đất số M393517 cho ông C, diện tích 5.390m² trong đó có 230m² đất ở và 5.160m² đất nông nghiệp. Sau đó ông C chuyển nhượng cho bà H.

Ngày 05/11/1999, UBND thành phố V cấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP505977.

Ngày 11/5/2009, bà H được cấp giấy chứng nhận QSD nhà ở và QSD đất ở số 777472653900136 diện tích 510m² đất ở, thuộc thửa 33+65, tờ bản đồ 38, phường 11, thành phố V.

[2.2] Qua lòng ghép vị trí diện tích đất bà H yêu cầu bồi thường với diện tích địa chính năm 1993 được phê duyệt năm 1994 theo Quyết định số 604/Ttg ngày 20/12/1993 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện quản lý mở rộng Quốc lộ 15 thì xét thấy diện tích 81.42m² đất thu hồi đang tranh chấp nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đã cấp cho bà H, nằm ngoài sơ đồ diện tích thửa đất được xác nhận năm 1975 mà bà Phan Thị N chuyển nhượng cho bà Th được UBND phường Phước Thắng xác nhận ngày 01/12/1975, nằm ngoài bản đồ giải thửa được UBND thành phố V phê duyệt năm 1994 và thuộc thửa đất giao thông do Nhà nước quản lý.

Thực tế khi thu hồi, trên đất thu hồi theo biên bản kiểm kê có 01 cây Bàng, 01 cây Bạch đàn có phi lớn hơn 30 cm, sân bê tông, sân đá chẻ, ngoài ra không có vật kiến trúc nào khác. Gia đình bà H tráng sân bê tông để đi lại cho thuận lợi, sạch sẽ. Không thể hiện có quá trình sử dụng đất thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai.

Từ những nhận định trên, xác định diện tích đất 81,42m² thuộc đất Nhà nước quản lý, nên khi thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định

tại khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, Quyết định số 9767 và Quyết định số 6702 có nội dung: “*Diện tích đất thu hồi 81,42m² của hộ bà H nằm ngoài giấy chứng nhận QSD đất và giấy chứng nhận chủ sở hữu nhà ở của bà H đã cấp, nằm ngoài sơ đồ, diện tích thửa đất được xác nhận năm 1975 mà bà Phan Thị N chuyển nhượng cho bà Th được UBND phường PhướcThắng xác nhận ngày 01/12/1975, nằm ngoài bản đồ giải thửa, diện tích được UBND thành phố phê duyệt năm 1994 và thuộc thửa đất giao thông do Nhà nước quản lý. Nên căn cứ khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 luật Đất đai năm 2013 thì không bồi thường đất và VKT trên đất*” là đúng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phùng Thị Thanh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 82, khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Thanh H về việc yêu cầu “hủy Quyết định số 9767/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phùng Thị Thanh H; Quyết định số 6702/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ bà H; Buộc UBND thành phố V thực hiện việc thu hồi, bồi thường đối với diện tích đất thực tế sử dụng lớn hơn giấy tờ là 81,42 m² cho bà Phùng Thị Thanh H”.

2. Về án phí hành chính:

Về án phí sơ thẩm: Bà Phùng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008365 ngày 08/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong.

Về án phí phúc thẩm: Bà Phùng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm hành chính, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000495 ngày 14/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự (2)
- Lưu VP (6). HS (14). (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên